

S : 36 /2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017

THÔNG TƯ

Sau đây, bổ sung một số điều của Thông tư 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thuế kế toán

Căn cứ Luật kế toán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kế toán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thuế kế toán và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thuế kế toán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo nghị quyết của Ủy ban Kế toán Nhà nước;

Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thuế kế toán.

Điều 1. Sau đây, bổ sung một số điều của Thông tư 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thuế kế toán như sau:

1. Điều 2 bổ sung như sau:

“a) Điều 1 quy định về hình phạt tiền, phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán các khoản 3, 4, 5 và 6

6, Khoản 2 điều 7 Nghị quyết 108/2013/N-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 108/2013/N-CP), ngày chậm trễ hành vi vi phạm tính thời hạn xử phạt là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán. Việc hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 điều 6 Nghị quyết 108/2013/N-CP và Khoản 2a điều 14 Nghị quyết 108/2013/N-CP bổ sung theo quy định tại Khoản 16 điều 1 Nghị quyết 145/2016/N-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 108/2013/N-CP (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 145/2016/N-CP), thời hạn xử phạt tính kể từ ngày chứng khoán có giá vào niêm yết hoặc ký giao dịch về việc vi phạm đã kết thúc hoặc kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm về việc vi phạm đang thực hiện;

b) Việc hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty chứng khoán quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều 9 Nghị quyết 108/2013/N-CP, điều 3 khoản 3 điều 9 Nghị quyết 108/2013/N-CP cũng như theo quy định tại Khoản 10 điều 1 Nghị quyết 145/2016/N-CP và Khoản 4, Khoản 5 điều 9 Nghị quyết 108/2013/N-CP bổ sung theo quy định tại Khoản 11 điều 1 Nghị quyết 145/2016/N-CP, thời hạn xử phạt tính kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty chứng khoán;

2. Khoản 3 điều 3 của Điều 1, bổ sung như sau:

“3. Việc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành và hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền cọc (nếu có) và tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền cọc quy định tại Điều 3 khoản 3 Nghị quyết 108/2013/N-CP cũng như theo quy định tại Khoản 2 điều 1 Nghị quyết 145/2016/N-CP thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải công bố trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin internet của công ty về việc hoàn trả tiền mua chứng khoán hoặc tiền cọc (nếu có) cũng như thêm tiền lãi tính theo lãi suất thị trường không kể hạn của Ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền cọc. Khoản tiền lãi của tiền mua chứng khoán hoặc tiền cọc mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả cho nhà đầu tư tính từ ngày nhà đầu tư nộp tiền ngay cá nhân, tổ chức vi phạm trả lại tiền cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng chứng khoán mua trong đợt chào bán nêu trên một cách hợp lý, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm xác định các nhà đầu tư đã nhận chuyển nhượng trực tiếp từ thông báo hoàn trả tiền và số lượng chứng khoán hiện đang nắm giữ thông báo cho nhà đầu tư có liên quan;

b) Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thực hiện việc hoàn trả tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư, trong

th i h n 03 ngày làm vi c k t ngày hoàn thành vi c hoàn tr ti n cho nhà u t .”

3. Kho n 3 và Kho n 8 i u 4 c s a i, b sung nh sau:

“3. Quy nh t i Kho n 7 i u 20 Ngh nh s 108/2013/N -CP c s a i theo quy nh t i Kho n 21 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP c áp d ng trong tr ng h p vi ph m i v i các thông tin sau:

a) Thông tin v i u ki n c p gi y phép thành l p và ho t ng c a công ty ch ng khoán, công ty qu n lý qu , công ty u t ch ng khoán riêng l y thác qu n lý v n, chi nhánh công ty ch ng khoán ho c công ty qu n lý qu n c ngoài t i Vi t Nam; thông tin v i u ki n c p gi y ch ng nh n i u ki n kinh doanh ch ng khoán phái sinh, cung c p d ch v bù tr , thanh toán giao d ch ch ng khoán phái sinh c a t ch c kinh doanh ch ng khoán phái sinh;

b) Thông tin v ho t ng kinh doanh, tài s n, tình hình tài chính c a t ch c ngh c p, b sung gi y phép;

c) Thông tin v c s v t ch t k thu t, h t ng công ngh thông tin v i các h th ng phù h p (h th ng giao d ch; h th ng bù tr , thanh toán) cho ho t ng kinh doanh, d ch v ch ng khoán phái sinh.

8. Hành vi “Làm gi tài li u trong h s chào bán c phi u riêng l mà không b truy c u trách nhi m hình s ” quy nh t i Kho n 3a i u 4 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 6 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP, hành vi “Làm gi tài li u trong h s chào bán ch ng khoán ra công chúng mà không b truy c u trách nhi m hình s ” quy nh t i Kho n 3 i u 5 Ngh nh s 108/2013/N -CP c s a i theo quy nh t i Kho n 8 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP và hành vi “L p, xác nh n h s gi m o niêm y t ch ng khoán ho c ng ký giao d ch ch ng khoán” quy nh t i Kho n 4 i u 14 Ngh nh s 108/2013/N -CP ch ng d n c th nh sau:

a) Là hành vi t o d ng ho c xác nh n các tài li u, thông tin không có th c ho c không chính xác ng ký chào bán c phi u riêng l , chào bán ch ng khoán ra công chúng, ng ký niêm y t ho c ng ký giao d ch ch ng khoán;

b) Khi phát hi n hành vi quy nh t i Kho n 3a i u 4 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 6 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP, Kho n 3 i u 5 Ngh nh s 108/2013/N -CP c s a i theo quy nh t i Kho n 8 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP và Kho n 4 i u 14 Ngh nh s 108/2013/N -CP, y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán ph i l p biên b n thu gi gi y t gi m o. Trong tr ng h p gi y t gi m o là gi y phép, y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán ph i thông báo b ng v n b n cho c quan c p gi y phép bi t.”

4. B sung Kho n 1a và Kho n 1b sau Kho n 1 i u 5 nh sau:

“1a. Quy nh t i i m c Kho n 1 i u 6 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 9 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP c áp d ng trong tr ng h p không công b báo cáo s d ng v n c ki m

toán xác nh n t i i h i ng c ông c t ch c t sau th i i m hoàn thành t chào bán ch ng khoán ra công chúng cho n khi s d ng h t s t i n thu c t t chào bán ho c không thuy t minh chi ti t vi c s d ng v n thu c t t chào bán ch ng khoán ra công chúng trong báo cáo tài chính n m c ki m toán xác nh n c a các n m k t khi hoàn thành t chào bán ch ng khoán ra công chúng cho n khi s d ng h t s t i n thu c t t chào bán.”

1b. Quy nh t i Kho n 2 i u 6 Ngh nh s 108/2013/N -CP c áp d ng i v i tr ng h p công ty i chúng th c hi n chào bán ch ng khoán ra công chúng sau th i i m ngày 01/7/2011.”

5. B sung i u 5a sau i u 5 nh sau:

“ i u 5a. Vi ph m quy nh v th c hi n chào bán c phi u riêng l

Quy nh t i i m c Kho n 1 i u 4 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 4 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP c áp d ng trong tr ng h p không công b báo cáo s d ng v n c ki m toán xác nh n t i i h i ng c ông c t ch c t sau th i i m hoàn thành t chào bán c phi u riêng l cho n khi s d ng h t s t i n thu c t t chào bán ho c không thuy t minh chi ti t vi c s d ng v n thu c t t chào bán c phi u riêng l trong báo cáo tài chính n m c ki m toán xác nh n c a các n m k t khi hoàn thành t chào bán c phi u riêng l cho n khi s d ng h t s t i n thu c t t chào bán.”

6. i u 6 c s a i, b sung nh sau:

“ i u 6. Vi ph m quy nh v n p h s ng ký công ty i chúng

1. Quy nh t i i m b Kho n 3 i u 9 Ngh nh s 108/2013/N -CP c áp d ng trong tr ng h p t ch c vi ph m ã c h ng d n s a i thông tin không chính xác trong h s ng ký công ty i chúng nh ng không th c hi n ho c th c hi n không úng theo yêu c u c a y ban Ch ng khoán Nhà n c.

2. Hành vi “Không n p h s ng ký công ty i chúng” t i Kho n 5 i u 9 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 11 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP c áp d ng trong tr ng h p sau khi y ban Ch ng khoán Nhà n c ã có v n b n yêu c u công ty i chúng n p h s ho c b sung h s ng ký công ty i chúng nh ng công ty i chúng không th c hi n.”

7. i u 7 c s a i, b sung nh sau:

“ i u 7. Vi ph m quy nh v niêm y t, ng ký giao d ch ch ng khoán

1. Quy nh t i Kho n 2a i u 14 Ngh nh s 108/2013/N -CP c b sung theo quy nh t i Kho n 16 i u 1 Ngh nh s 145/2016/N -CP c áp d ng i v i các tr ng h p sau:

a) Công ty i chúng hình thành t doanh nghi p nhà n c chào bán ch ng khoán ra công chúng theo quy nh pháp lu t v c ph n hóa;

b) Công ty niêm yết bị hủy bỏ niêm yết nhậm công vụ nộp ứng dụng lại là công ty niêm yết;

c) Công ty hợp nhất các doanh nghiệp trong đó có công ty niêm yết mà sau hợp nhất công ty hợp nhất nộp ứng dụng lại là công ty niêm yết và không nộp ứng dụng lại niêm yết theo quy định;

d) Công ty niêm yết không nộp ứng dụng lại niêm yết hoặc nộp ứng dụng lại niêm yết nhậm công vụ.

2. Hành vi “Không nộp ký giao dịch, niêm yết chứng khoán” tại Điều 2a Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và áp dụng trong trường hợp sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản yêu cầu thực hiện nộp ký giao dịch, niêm yết chứng khoán nhậm công ty niêm yết không thực hiện.

3. Hình thức xử phạt bổ sung “ đình chỉ hoạt động niêm yết chứng khoán hoặc nộp ký giao dịch chứng khoán” tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP áp dụng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ nộp ký niêm yết chứng khoán, nộp ký giao dịch chứng khoán có thông tin sai lệch, che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng hoặc hành vi lập, xác nhận hồ sơ niêm yết, nộp ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp S giao dịch chứng khoán đã chấp thuận niêm yết, nộp ký giao dịch chứng khoán cho thực hiện vi phạm.”

8. Điều 8 của văn bản sau:

“ Điều 8. Vi phạm quy định về thực chất trường hợp giao dịch chứng khoán

1. Quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của văn bản theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và áp dụng đối với trường hợp phát hành chứng khoán mới hoặc hình thức trao đổi thông tin nào thực hiện khi lập nhậm mua, bán và giao dịch chứng khoán ngoài S giao dịch chứng khoán.

2. Trong trường hợp có khoản thu trái pháp luật, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về thực chất trường hợp giao dịch chứng khoán được tính trên cơ sở toàn bộ các khoản thu mà thực chất có liên quan đến hành vi vi phạm. Trường hợp đã áp dụng mức phạt tiền tối đa là 05 lần khoản thu trái pháp luật mà mức phạt vẫn thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của văn bản theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng mức phạt tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của văn bản theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP xử phạt.”

9. Bổ sung Khoản 1a sau Khoản 1 Điều 9 như sau:

“1a. Quy định tại Điều 1b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của văn bản theo quy định tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-

CP cấp đăng ký vì công ty chng khoán không phải là công ty niêm yết.
 Vì công ty chng khoán là công ty niêm yết vì phạm quy như quy định của Công ty thì áp dụng xử phạt theo quy định của Điều 11 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP.”

10. Khoản 1 Điều 10 của i, b sung như sau:

“1. Số lượng pháp nhân có thể do thực hiện hành vi giao dịch nội bộ và hành vi giao dịch thao túng thị trường chng khoán quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP của i theo quy định tại Khoản 36 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP là khoản thu lợi bất chính phát sinh từ việc thực hiện các hành vi này trong khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm, sau khi trừ đi các khoản thu, phí phải nộp. Số lượng pháp nhân tính khi thực hiện, cá nhân có hành vi phạm mua chng khoán vào hoặc bán chng khoán ra hiện thực hóa số lượng pháp nhân. Giá mua (bán) tính số lượng pháp nhân là giá thực hiện và tính theo nguyên tắc giá mua (bán) bình quân gia quyền.”

Trường hợp phát hiện dùng nhu tài khoản giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chng khoán thì số lượng pháp nhân tính trên tổng các tài khoản sử dụng giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chng khoán. Trường hợp phát hiện thông tin, cấu trúc giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chng khoán thì số lượng pháp nhân tính trên tổng tài khoản sử dụng giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chng khoán.”

11. Khoản 4 Điều 15 của i như sau:

“4. Quyết định xử phạt do Chủ tịch Ủy ban Chng khoán Nhà nước hoặc Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Ủy ban Chng khoán Nhà nước ký thì có ý kiến đồng ý của Ủy ban Chng khoán Nhà nước. Trường hợp quyết định xử phạt do Chánh Thanh tra Ủy ban Chng khoán Nhà nước ký thì có ý kiến đồng ý của Thanh tra Ủy ban Chng khoán Nhà nước.”

12. Điều 16 của i, b sung như sau:

“1. Cá nhân, tổ chức có hành vi phạm hành chính trong lĩnh vực chng khoán bị áp dụng mức phạt tiền trong khung phạt có mức phạt tối đa từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức hoặc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng giấy chng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chng ch hành nghề chng khoán có thể hiện hoặc bị áp dụng mức phạt trong các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khc phc h u qu theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP số báo công bố công khai thông tin về vi phạm hành chính trong lĩnh vực chng khoán.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi phạm hành chính

theo quy định tại Khoản 1 Điều này, quyết định xử phạt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp đối tượng bị xử phạt là thành viên giao dịch, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán, Quyết định xử phạt phải được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ghi rõ căn cứ thực hiện công bố công khai, nội dung công bố công khai; tên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán để đăng công khai thông tin.

3. Nội dung thông tin công bố gồm: họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

13. Điểm d Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi như sau:

“d) Áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác để buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 145/2015/NĐ-CP.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2017.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. ✓

Nơi nhận: *nh*

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TƯ về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (300b).



Trần Xuân Hà